TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**58**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2022.
V/v "Ly hôn giữa ông T và bà N"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phong.

2. Bà Đào Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc " L*y hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2022/QĐXXST -HN ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 206/2022/QĐST-HN ngày 27/6/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Đức T, sinh năm 1960(có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2021và những lời khai tiếp theo trong quá trinh giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Đức T trình bày:*

Ông và bà N chung sống với nhau năm 2019, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến tháng 6/2021thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống và cũng từ đó ly thân nhau cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: không có.

** Theo bản tự khai ngày 25/01/2022 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trinh giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày như sau:*

Bà và ông T chung sống với nhau năm 2019 trên tinh thần tự nguyện và có đang ký kết hôn, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện nay ông T yêu cầu ly hôn với bà, bà không đồng ý.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Theo bà Nga xác định quá trình chung sống với ông T bà và ông T có một căn nhà, bà yêu cầu tòa án xem xét giải quyết cho bà.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đặng Đức T có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, bà Nguyễn Thị Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng không có lý do. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà N là phù hợp với Điều 227, 288 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Đặng Đức T và bà Nguyễn Thị Thanh N chung sống với nhau năm 2019, trên tin thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm cũng từ tháng 6/2021 ông T và bà N ly thân nhau cho đến nay. Từ lúc ly thân nhau cho đến nay mỗi người đều có cuộc sống độc lập, không ai quan tâm đến ai, Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để ông T và bà N đoàn tụ nhưng bà N không đến, bà N có ý thức bỏ mặc hôn nhân giữa bà với ông T. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân giữa ông Thành và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu ly hôn với bà Nga là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Không có nên không xét đến.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông T xác định ông và bà N không có tài sản chung. Ngược lại, bà N cho rằng trong quá trình chung sống với ông T bà và ông T có được một khối tài sản chung là căn nhà và có yêu cầu tòa án xem xét giải quyết. Tuy nhiên, bà N không thực hiện việc khởi kiện theo quy định mặc dù đã được Tòa án yêu cầu theo văn bản ngày 07/3/2022, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này mà tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác khi bà Nga có yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên không xét đến.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Đặng Đức T phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đặng Đức T với bà Nguyễn Thị Thanh N. Ông T được ly hôn với bà N.

2. Về con chung: Không có nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Giải quyết bằng vụ kiện khác khi bà Nguyễn Thị Thanh N có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có nên không xét đến.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Đặng Đức T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Thành đã nộp nộp theo biên lai thu số 0003450 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy án phí ông T đã nộp đủ.

Ông Đặng Đức Th, bà Nguyễn Thị Thanh N vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã Thừa Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tuấn

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHÙ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THANH PHONG – ĐÀO THỊ TUYẾT MAI **TRẦN VĂN TUẤN**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã Thừa Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tuấn